

## THÍCH CA VIỆN

Thích Ca Viện có vị trí tại phương trên của Biến Tri Viện, tức lớp thứ hai ở phương Đông trong Hiện Đồ Thai Tạng Giới Man Đa La, thuộc Phật Bộ

Viện này biểu thị cho việc nói Pháp lợi sinh của Đại Nhật Như Lai, Diệu Đức của phương tiện nhiếp hóa, dùng Thích Ca Như Lai (‘Sàkya-muṇi) làm Tôn Chủ cho nên xưng là Thích Ca Viện.

Y theo ý của Kinh **Đại Nhật** thì Đức Thích Ca Như Lai chẳng phải là sinh thân của Đức Phật Đà mà là **Thân biến hóa** (Nirmàna-kàya) của Pháp Thân Phật

Các Tôn trong viện Thích Ca gồm có :

a ) Thích Ca Như Lai biểu thị cho **Phật Bảo**, Quán Tự Tại Bồ Tát biểu thị cho **Pháp Bảo**, Hư Không Tạng Bồ Tát biểu thị cho **Tăng Bảo** . Cả 3 Tôn này biểu thị cho 3 Đức đầy đủ của Tam Bảo.

Hai Tôn : Vô Năng Thắng Minh Vương và Vô Năng Thắng Minh Phi biểu thị cho Đức **Giáng phục 4 Ma** của Đức Thích Ca khi Ngài ngồi dưới gốc cây Bồ Đề thành Đạo.

b ) Tám Phật Đỉnh biểu thị cho **Quả Đức u thâm huyền diệu** của Như Lai. Các Tôn Tượng này tức đại biểu cho nơi khởi hiện của Phật Trí vô thượng

. ) 3 Phật Đỉnh : Quảng Đại Phật Đỉnh, Cực Quảng Đại Phật Đỉnh, Vô Biên Âm Thanh Phật Đỉnh biểu thị cho **3 đức tính của 3 Bộ** trong Thai Tạng Giới, hay thỏa mãn tất cả mọi Nguyên

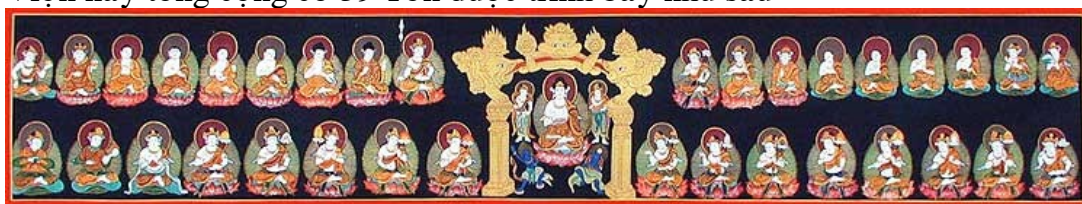
. ) 5 Phật Đỉnh : Bạch Tản Cái Phật Đỉnh, Thắng Phật Đỉnh, Tối Thắng Phật Đỉnh, Quang Tụ Phật Đỉnh, Trừ Chướng Phật Đỉnh biểu thị cho **5 Trí của Đức Thích Ca Như Lai**, ở trong tất cả Công Đức giống như một loại Chuyển Luân Thánh Vương (Cakra-vartin-ràja) có đầy đủ đại thế lực

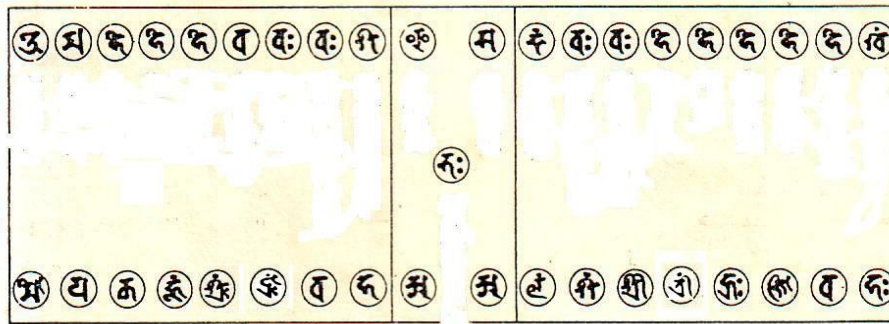
. ) Nhất Thiết Như Lai Bảo, Như Lai Từ, Như Lai Bi, Như Lai Mẫn, Như Lai Hỷ, Như Lai Xả. Sáu Tôn này biểu thị cho con mắt Từ Bi nhìn ngó chúng sinh

. ) Như Lai Hào Tướng, Như Lai Nha, Như Lai Thiệt, Như Lai Ngữ, Như Lai Tiếu, Như Lai Xước Khất Để. Sáu Tôn này biểu thị cho **Tự Tính Pháp Thân thường trụ** của Đức Thích Ca Như Lai

. ) Đa Ma La Hương Tích Chi Phật, Chiên Đàn Hương Tích Chi Phật, Luân Bức Tích Chi Phật, Bảo Bức Tích Chi Phật, Xá Lợi Phát, Mục Kiền Liên, Ca Diếp Bà, Tu Bồ Đề, Câu Hy La, A Nan, Ca Chiên Diên, Ưu Bà Ly, Trí Câu Hy La, Cúng Dường Vân Hải . 14 Tôn này biểu thị cho Công Đức phân biệt đã đầy đủ của Như Lai.

Viện này tổng cộng có 39 Tôn được trình bày như sau





\_ Lớp bên trái (từ trái qua phải):gồm 17 Tôn

.) Hàng trên có 9 Tôn

- 1\_ Như Lai Xả (3)
- 2\_ Như Lai Hỷ (4)
- 3\_ Xá Lợi Phất (5)
- 4\_ Ca Diếp Bà (6)
- 5\_ Tu Bồ Đề (7)
- 6\_ Đại Mục Kiền Liên (8)
- 7\_ Đa Ma La Hương tích Chi Phật (9)
- 8\_ Chiên Đàn Hương tích Chi Phật (10)
- 9\_ Như Lai Thước Khất Để (11)

.) Hàng dưới có 8 Tôn:

- 1\_ Như Lai Từ (12)
- 2\_ Như Lai Mẫn (13)
- 3\_ Như Lai Bi (14)
- 4\_ Vô Lượng Thanh Phật Đỉnh (15)
- 5\_ Cao Phật Đỉnh (16)
- 6\_ Chuyển Luân Phật Đỉnh (17)
- 7\_ Như Lai Hào Tướng (18)
- 8\_ Nhất Thiết Như Lai Bảo (19)

\_ Lớp chính giữa gồm 5 Tôn

.) Hàng trên có 02 Tôn:

- 1\_ Bên trái :Hư Không Tạng (20)
- 2\_ Bên phải: Quán Tự Tại (21)

.) Chính giữa có 01 Tôn là Thích Ca Mâu Ni Như Lai (22)

.) Hàng bên dưới có hai Tôn

- 1\_ Bên trái: Vô Năng Thắng Phi (23)
- 2\_ Bên phải: Vô Năng Thắng Kim Cương (24)

\_ Lớp bên phải (từ trái qua phải) gồm 17 Tôn

.) Hàng trên có 9 Tôn:

- 1\_ Như Lai Nha (25)
- 2\_ Luân Bức Tích Chi Phật (26)

- 3\_ Bảo Bức Tích Chi Phật (𑖀𑖳)
- 4\_ Câu Hy La (𑖀𑖳)
- 5\_ A Nan (𑖀𑖳)
- 6\_ Ca Chiên Diên (𑖀𑖳)
- 7\_ Ưu Bà Lợi (𑖀𑖳)
- 8\_ Trí Câu Hy La (𑖀𑖳)
- 9\_ Cúng Đường Vân Hải (𑖀𑖳)
  - .) Hàng bên dưới có 8 Tôn:
    - 1\_ Bạch Tản Cái Phật Đỉnh (𑖀𑖳)
    - 2\_ Thắng Phật Đỉnh (𑖀𑖳)
    - 3\_ Tối Thắng Phật Đỉnh (𑖀𑖳)
    - 4\_ Quang Tụ Phật Đỉnh (𑖀𑖳)
    - 5\_ Trừ Cái Chương Phật Đỉnh (Tối Toái Phật Đỉnh) (𑖀𑖳)
    - 6\_ Như Lai Thiệt (𑖀𑖳)
    - 7\_ Như Lai Ngữ (𑖀𑖳)
    - 8\_ Như Lai Tiểu (𑖀𑖳)

### 1\_ Thích Ca Mâu Ni Như Lai (‘Sàkya-muṇi):

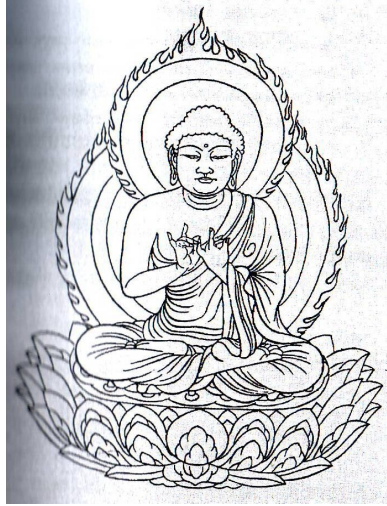
‘Sàkya-muṇi dịch âm là Thích Ca Văn Ni, Xả Ca Dạ Mâu Ni, Thích Ca Mâu Năng, Thích Ca Văn.... lược xưng là Thích Ca, Mâu Ni, Văn Ni. Dịch ý là Năng Nhân, Năng Nhẫn, Năng Tịch, Tịch Mặc, Năng Mãn. Hoặc xưng là Thích Ca Tịch Tĩnh. Lại xưng là Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn.

Thích Ca Mâu Ni (‘Sàkya Muṇi) lại được dịch là **Năng Nhân Tịch Mặc** trong đó **Năng Nhân** (‘Sàkya) là dòng họ Thích Ca và **Tịch Mặc** (Muṇi) là bậc Đại Thánh. Như vậy Thích Ca Mâu Ni có nghĩa là Bậc Đại Thánh của dòng họ Thích Ca.

Theo ý nghĩa khác thì **Năng** biểu thị cho Đại Hùng Lực, **Nhân** biểu thị cho Đại Từ Bi, **Tịch Mặc** biểu thị cho Đại Trí Giác. Như vậy Hồng danh **Thích Ca Mâu Ni** biểu thị cho Phước Trí viên mãn của Đấng Toàn Giác.

Trong viện này thì Thích Ca Mâu Ni Phật tượng trưng cho **Phật Bảo**.

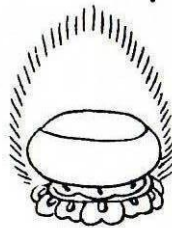
Tôn Hình: Hai tay để ngang ngực kết Thuyết Pháp Ấn. Thân màu vàng rực, khoác cà sa màu đỏ, ngồi Kiết Già trên hoa sen



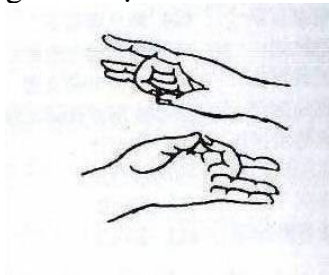
Chữ chủng tử là: BHAḤ (ॐ)

Mật Hiệu là: **Tịch Tĩnh Kim Cương**. Biểu thị cho sự xa lìa khỏi 5 Độc của Thế Gian

Tam Muội Gia Hình là: Cái bình bát.



Tượng Ấn là: Kết Cát Tường Ấn hoặc Bát Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्त बुद्धानाम् सर्वा क्लेशा निरसुदाना  
सर्वा धर्मा वासिताः प्राप्ता गगना समा असामा  
सवाहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ SARVA KLE'SA NIRSUĐANA \_  
SARVA DHARMA VA'SITAḤ PRĀPTA \_ GAGANA SAMA ASAMA\_  
SVĀHĀ

## 2\_ Quán Tự Tại Bồ Tát (Avalokite'svara):

Avalokite'svara dịch âm là A Bà Lô Cát Đế Thước Bát La, A Phộc Lô Chỉ Đề Thấp Phiệt La...Dịch ý là Quán Tự Tại Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Âm Bồ Tát...

Tôn này là vị Bồ Tát có bản nguyện dùng Từ Bi cứu độ chúng sinh.

Trong Viện này thì Quán Tự Tại Bồ Tát là vị theo hầu bên phải Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, đại biểu cho **Pháp Bảo** và biểu thị cho Đức **Chân Tướng**

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm cây phất trắng, tay trái chống eo, đứng thẳng trên hoa sen.



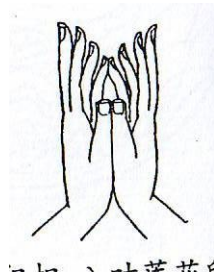
Mật Hiệu là: **Thanh Tịnh Kim Cương** , hoặc **Chính Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Cây phất trắng, hoặc hoa sen chưa hé nở.



Tượng Ấn là: Bát Diệp Liên Hoa Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖀𑖄: 𑖀𑖄𑖀 𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ SA

3\_ **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Àkà'sa-garbha, hoặc Gagana-gaṅja):

Àkà'sa-garbha dịch âm là A Ca Xả Nghiệt Bà

Gagana-gaṅja dịch âm là Nga Nga Nặng ngạn nhạ.

Tôn này đại biểu cho hai tạng báu **Phước Đức**, **Trí Tuệ** vô lượng ngang bằng với hư không rộng lớn vô biên.

Lại xưng là Hư Không Dựng Bồ Tát hay tuôn ra vô lượng Pháp Bảo ban bố khắp cho người có mong cầu, lợi ích chúng sinh.

Trong Viện này thì Hư Không Tạng Bồ Tát là vị theo hầu bên trái Đức Thích Ca Mâu Ni Phật và đại diện cho **Tăng Bảo**

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải dựng lòng bàn tay, co ngón trở ngón giữa cầm cây phát trắng. Tay trái úp quyền để phía trước rốn cầm hoa sen, trên hoa sen có viên ngọc màu xanh lục, khoác Thiên y, đứng thẳng trên tòa hoa sen.



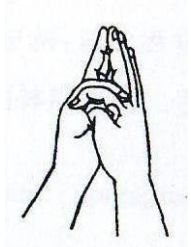
Mật Hiệu là: **Vô Tận Kim Cương**

Chữ chủng tử là: I (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc Như Ý trên hoa sen.



Tướng Ấn là: Hư Không Tạng Ấn (Hư Tâm Hợp Chưởng, co 2 ngón trở để bên dưới hai ngón giữa, đưa ngón cái vào trong lòng bàn tay).



Chân Ngôn là:

ॐ ह्रिः समंता बुद्धानाम् अकाशा समानुगतं विसृज्य वरि वरिं ह्रिः

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ ĀKĀ'SA SAMANTA-ANUGATA VICITRĀM VARA-DHARA\_ SVĀHĀ





Tôn này được xem là một Hóa Thân của Đức Thích Ca, biểu thị cho sức mạnh chiến đấu và chiến thắng

Tôn Hình: Thân màu đen xanh, có 4 mặt 4 cánh tay. Bốn mặt đều nhìn ngó giận dữ, tóc dựng dài như lửa rực. Bên phải: tay thứ nhất dựng Quyền duỗi ngón trở để trước ngực, tay thứ hai đem ngón giữa, ngón vô danh đè vào ngón cái và duỗi thẳng ngón trở, co khuỷu tay hướng lên trên. Bên trái: tay thứ nhất cầm cây búa, tay thứ hai cầm Tam Kích Xoa.



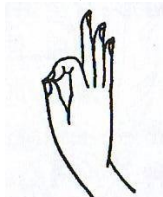
Mật Hiệu là: **Thắng Diệu Kim Cương**

Chữ chủng tử là : A (ॐ) hay DHRIM (ॐ) nghĩa là khiến cho chúng sinh trong Pháp Giới lìa bụi dơ.

Tam Muội Gia Hình là: Cái miệng lớn trên hoa sen đen, hay cây búa lớn.



Tượng Ấn là: Vô Năng Thắng Ấn (Tay phải để ngang trái tim, làm dạng cầm hoa sen. Tay trái duỗi cánh tay nâng cao lên, duỗi năm ngón tay).



Chân Ngôn là:

ॐ म् साम् त्र ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM\_DHRIM DHRIM\_RIM RIM\_JRIM JRIM\_SVÀHÀ

## 6\_ Nhất Thiết Như Lai Bảo (Sarva-tathàgata-maṇi):

Tôn này tức là Phật Nhãn Phật Mẫu (Buddha-locana), là nơi hóa hiện của Bát Nhã Trung Đạo Diệu Trí. Là Tổng Mẫu sinh ra chư Phật, Bồ Tát trong hai Bộ **Kim, Thai**. Dùng điều ấy làm Mẫu sinh ra công đức của Phật Bộ, cho nên xưng là Phật Mẫu. Lại do dùng đủ 5 loại mắt cho nên có tên gọi là Phật Nhãn.



Trong Thích Ca Viện thì Phật Nhãn Phật Mẫu lại được xưng là Năng Tịch Mẫu, Nhất Thiết Như Lai Bảo. Pháp tu ấy chủ về Tức Tai hoặc Giáng Phục. Điều đặc sắc nhất là Tôn này dùng các Tinh Tú làm quyến thuộc.

Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, tay phải dựng lòng bàn tay, co ngón giữa ngón vô danh; hơi co ngón út, duỗi ngón cái và ngón trỏ. Tay trái co cánh tay cầm hoa sen bên trên có viên ngọc Như Ý. Hướng mặt về phương bên trái hơi ngược nhìn.



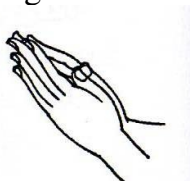
Mật Hiệu là: **Bảo Tướng Kim Cương.**

Chữ chủng tử là: HA (𑖬) hay TA (𑖦)

Tam Muội Già Hình là: Viên ngọc Như Ý trên hoa sen, hoặc Phật Đỉnh Nhãn.



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

𑖦𑖦: 𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦𑖦

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ SARVATHĀ VIMATI VIKIRAṆA DHARMA-DHĀTU NIRJĀTA SAṂ SAṂ HĀ SVĀHĀ

### 7\_ Như Lai Hào Tướng Bồ Tát (Tathāga-urṇa):

Lại xưng là Thích Ca Hào Tướng Bồ Tát, Chân Đa Ma Ni Hào Tướng Bồ Tát.

Tôn này là Bồ Tát chủ về ảnh tượng thuộc Đức đặc biệt của tướng Bạch Hào (sợi lông trắng xoáy tròn theo bên phải ở tam tinh) trong 32 tướng của Như Lai.



Tôn này Biểu thị cho Đức của Phật Bộ (Buddha-kulàya) là con đường giác ngộ viên mãn, Lý Trí đầy đủ.

Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, thị hiện hình Bồ Tát, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ, tay phải cầm hoa sen bên trên sen có cái chày Độc Cổ dựng đứng, tay trái đem ngón cái vịn ngón giữa, dựng thẳng ngón trỏ, hướng mặt về bên trái.



Mật Hiệu là: **Phá Ma Kim Cương**

Chữ chủng tử là: TRÙM (𑖠)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ.



Tướng Ấn là: Như Ý Bảo Ấn ( Hư Tâm Hợp Chưởng. Hai tay đem ngón út, ngón cái cùng hợp nhau, hơi co các ngón còn lại như hoa sen nở rộ).



Chân Ngôn là:

𑖧𑖩𑖛 𑖧𑖩𑖛𑖧𑖩𑖛 𑖧𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛 𑖩𑖛𑖩𑖛 𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛 𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛𑖩𑖛

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM\_ TRÙM \_ UᅢᅢIᅢA\_ SVÀᅢÀ

## **9\_ Cao Phật Đỉnh (Abhyudgata-uᅢᅢiᅢa):**

Abhyudgata-uᅢᅢiᅢa được xưng là Quảng Sinh Phật Đỉnh, Tối Thắng Phật Đỉnh, Tối Cao Phật Đỉnh. Là một trong năm Phật Đỉnh, một trong tám Phật Đỉnh



Lại xưng là Vô Lượng Âm Thanh Phật Đỉnh, là một trong ba Phật Đỉnh, chủ yếu biểu dương Đức Phật Đà dùng vô lượng âm thanh màu nhiệm nói Pháp khiến cho chúng sinh đều được mở rõ sự hiểu biết (khai giải).

Tôn này biểu thị cho Đức của Kim Cương Bộ (Vajra Kulàya) là sức tác dụng Trí Tuệ của Như Lai hay nghiền nát 3 chướng (Hoặc, Nghiệp, Khổ ) của tất cả chúng sinh.

Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, tay trái cầm hoa sen bên trên có cái vỏ ốc (Loa Bối), tay phải dựng đứng lòng bàn tay co ngón trỏ, ngón giữa.



Mật Hiệu là: **Diệu Hưởng Kim Cương**

Chữ Chủng tử là: HÙM ( ॐ )

Tam Muội Gia Hình là: Vỏ ốc trên hoa sen.



Tượng Ấn là: **Pháp Loa Ấn** tức là hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng, đem hai ngón trỏ quấn đê bên trên ngón cái sao cho móng ngón tay cùng chạm dính nhau.



Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं वज्रं कुरु ॐ ह्रीं शक्राय नमः ॐ ह्रीं स्वामि ॐ ह्रीं  
 NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ HÙM JAYOṢṢIṢA \_ SVĀHĀ

Chân Ngôn chung của 3 Phật Đỉnh này là:

ॐ ह्रीं वज्रं कुरु ॐ ह्रीं शक्राय नमः ॐ ह्रीं स्वामि ॐ ह्रीं



NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ HŪM HŪM SAM HŪM \_ HŪM  
TRŪM

**11\_ Như Lai Bi Bồ Tát** (Tathàgata-kàruṇa):

Tathàgata-kàruṇa dịch âm là Đát Tha Nga Đa Ca Lỗ Noa.

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt của Tâm **Bi Vô Lượng** trong 4 Tâm Vô Lượng của Đức Phật.

Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác Thiên Y rũ xuống che hai khuỷu tay, hai tay chắp lại, giao ống chân ngồi trên lá sen.



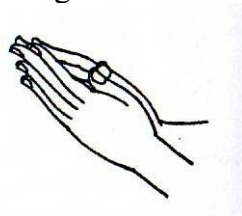
Mật Hiệu là: **Bi Hóa Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KA (𑖕).

Tam Muội Gia Hình là: Hợp Chưởng Ấn, hoặc viên ngọc Như Ý.



Tượng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

𑖀 𑖔𑖩𑖔𑖩 𑖔𑖩𑖔𑖩 𑖔𑖩𑖔𑖩

OM MAHĀ-KĀRUṆĀYA SPHARA

**12\_ Như Lai Mãn Bồ Tát** (Tathagata-amṛḍitā):

Tathagata-amṛḍitā dịch âm là Đát Tha Nga Đa Mẫu Lật Đề Đa.



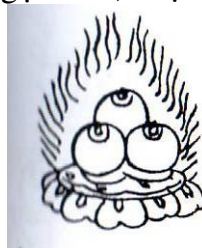
Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Thiên Nữ, mặc quần áo có đường viền, rũ  
 ngửa bàn tay phải cầm lá sen chứa đầy hoa. Tay trái cầm viên ngọc báu , trên viên  
 ngọc có lửa rực sáng, giao ống chân ngồi trên lá sen.



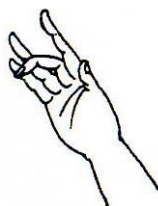
Mật Hiệu là: **Giáo Lệnh Kim Cương**

Chữ chủng tử là: YA ( ཡ ), hay MRE ( མ ), hay YAM ( ཡ )

Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc báu, hoặc hoa báu



Tướng Ấn là: Bi Niệm Giả Ấn . Úp tay phải che ức ngực, hơi co ngón giữa.



Chân Ngôn là:

ཡམ་ མམ་མ་ འཇམ་མ་ ཡམ་ མམ་མ་ འཇམ་མ་ འཇམ་མ་ འཇམ་མ་

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM\_ YAM KÀRUṆÀMREDITA  
 SVÀHÀ

**13\_ Như Lai Từ Bồ Tát (Tathàgata-matrì):**

Tathàgata-matrì dịch âm là Đát Tha Nga Đa Muội Để Lợi.

Tôn này biểu thị cho Tâm **Từ Vô Lượng** trong 4 Tâm Vô Lượng của Đức Phật.

Tôn Hình: Thân màu thịt, giao ống chân ngồi trên lá sen, mặc quần áo có  
 đường viền, hai tay cầm lá sen, trên lá chứa đầy hoa sen.



Mật Hiệu là: **Hộ Niệm Kim Cương**

Chữ chủng tử là: MO (𑖣𑖦) hay MAI (𑖣𑖨)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa trên lá sen, hay viên ngọc Như Ý.



Tượng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

ॐ मङ्गल्यै स्फरा

OM MAHÀ-MAITREYA SPHARA

**14\_ Như Lai Thước Khất Để** (Tathàgata-‘sakti):

‘Sakti dịch ý là cây giáo (sóc) cây thương (thương). Lại xưng là Như Lai Sóc, Như Lai Sóc Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt thuộc các loại phương tiện bảo hộ chúng sinh của Như Lai

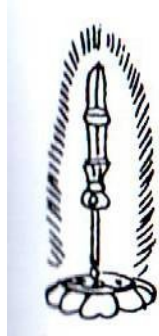
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải hướng ra ngoài cầm cây giáo, tay phải để ở eo, ngồi trên hoa sen đỏ.



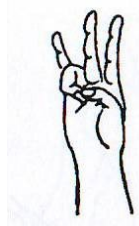
Mật Hiệu là: **Chúng Hạnh Kim Cương**

Chữ chủng tử là: 'SA (॑)

Tam Muội Gia Hình là: Mâu Kịch.



Tướng Ấn là: Tay trái ngửa lòng bàn tay để trên Già Phu, tay phải đem ngón cái vịn ngón vô danh và duỗi thẳng ba ngón còn lại như dạng Tam Kịch Xoa.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो नमो नमो नमो

OM TATHÀGATA- 'SAKTI SVÀHÀ.

### **15\_ Chiên Đàn Hương Tích Chi Phật (Candana-gandha-pratyeka-buddha):**

Pratyeka-buddha (Tích Chi Phật) dịch ý là Duyên Giác , hay Độc Giác. Do tự mình quán sát mà chẳng tuân theo người nào khác, quán ngộ lý của 12 Nhân Duyên mà đắc Đạo.

Tôn Hình: Thân màu vàng, dựng lòng bàn tay trái, hướng tâm chướng ra ngoài.  
Tay phải cầm góc áo cà sa.



Mật Hiệu là: **Thanh Lương Kim Cương.**

Chữ chủng tử là: VAḤ (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây tích trượng.



Tượng Ấn là: Viên Mãn Tích Trượng Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् ॐ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ VAḤ

**16\_ Đa Ma La Hương Tích Chi Phật (Tamàla-patra-pratyeka-buddha):**

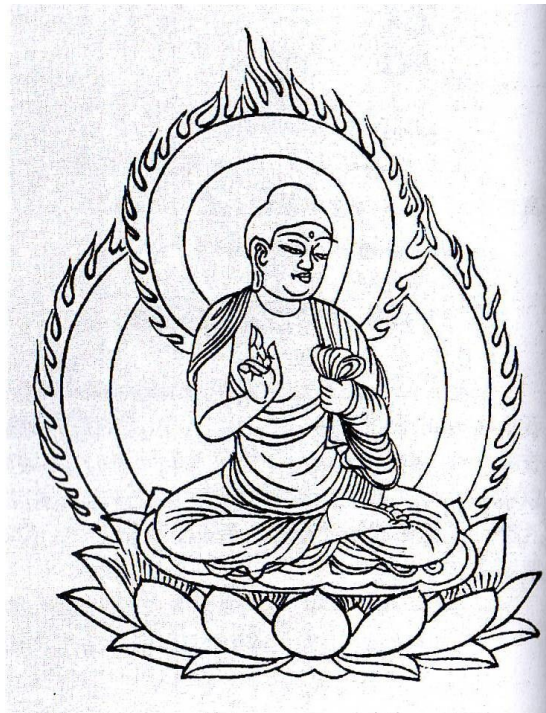
Tamàla-patra-pratyeka-buddha dịch âm là Tác Đa Ma La Bả Đát La Bát-La Để Duệ Kế Mẫu Đà. Lại xưng là Đa Ma La Bạt Hương Tích Chi Phật, Đa Ma La Diệp Duyên Phật.

Tamàla-patra dịch ý là Hoắc Diệp Hương có tính hiền không có dơ. Đây là loại hương do Hoắc Diệp chế tạo thành, là thứ tối thắng trong các loại hương.



Tôn này đồng thể với Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Phật, biểu thị cho **Thắng Đức** của Đấng Phật Đà.

Tôn Hình: Hình Như Lai hơi gầy ốm, toàn thân màu vàng trắng. Tay trái nắm góc áo cà sa để trước ngực. Tay phải co cánh tay giương lòng bàn tay và co ngón vô danh ngón út, ngồi trên tòa hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Uân Huân Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VAḤ (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây tích trượng.



Tượng Ấn là: Viên Mãn Tích Trượng Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ वः समन्ता बुद्धानाम् वः

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ VAḤ

**17\_ Đại Mục Kiền Liên (Mahà-maudgalyàyana):**

Lại xưng là Mục Kiền Liên (Maudgalyàyana), Đại Mục Càn Liên. Đại Mục Liên, Mục Liên. Tên gọi riêng của Ngài là **Câu Luật Đà** (Kolita), Câu Luật, Câu Lý Đa, Câu Ly Ca. Dịch ý là **Thiên Bão**.

Tôn này là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca, được xưng là bậc **Thần Thông Đệ Nhất** hoặc **Thần Túc Đệ Nhất**.

Trước kia, Mục Kiền Liên và Xá Lợi Phất ('Sàri-putra) đều là đệ tử của vị Ngoại Đạo Sañjaya. Sau khi quy y Đức Phật Thích Ca , hai Ngài cùng tinh tiến tu Đạo và trở thành bậc Thượng Thủ trong chúng Đệ Tử của Đức Phật và thường phụ giúp Đức Phật giáo hóa chúng sinh.

Tôn Hình: Hiện bày hình Sa Môn, thân màu thịt, tay phải nắm quyền duỗi giương ngón trở. Tay trái nắm góc áo cà sa, hướng mặt về bên trái, ngồi trên tòa hoa sen đỏ.



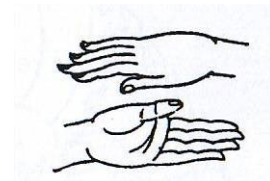
Mật Hiệu là: **Diệu Dụng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VA (𑖦) hay HE (𑖓)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tượng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

𑖦𑖓: 𑖦𑖓𑖦𑖓 𑖦𑖓𑖦𑖓 𑖦𑖓𑖦𑖓 𑖦𑖓𑖦𑖓 𑖦𑖓𑖦𑖓 𑖦𑖓𑖦𑖓 𑖦𑖓𑖦𑖓 𑖦𑖓𑖦𑖓 𑖦𑖓𑖦𑖓 𑖦𑖓𑖦𑖓

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM \_ HETU-PRATYAYA VIGATA  
KARMA NIRJÀTA HÙM



### 18\_ Tu Bồ Đề (Subhùti):

Subhùti lại xưng là Tô Bồ Đề, Tu Phù Đề, Tu Phù Đế, Tẩu Phù Đế Tu, Phù Đế, Tu Phong. Dịch ý là Thiện Nghiệp, Thiện Cát, Thiện Hiện, Thiệt Thật, Thiện Kiến, Không Sinh. Là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca, dùng Trí Tuệ khéo giải **Tính Không** ('Sùnyata: tính trống rỗng) nên được xưng là bậc **Giải Không Đệ Nhất**

Tôn này nguyên là con của vị Bà La Môn tại nước Xá Vệ thuộc Ấn Độ cổ đại. Ngài có Trí Tuệ hơn người nhưng tính rất ác liệt, tràn đầy sân hận. Do thân hữu chán ghét nên rời khỏi nhà vào rừng núi đi theo Đạo của Sơn Thần. Khi đến chỗ Đức Phật ngự, được nghe Đức Phật nói về tội lỗi của sự sân hận nên Ngài tự trách mình và sám hối lỗi lầm. Sau này được quả Tu Đà Hoàn, lại chứng quả A La Hán.

Tôn Hình: Hiện bày hình Tỳ Kheo, thân màu thít. Tay trái nắm góc áo cà sa đưa lên ngang vai. Tay phải tác Dữ Nguyện Ấn, ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Vô Tướng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (ॠ)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं समन्ता बुद्धानाम् हेतुप्रत्यया विगता

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ HETU-PRATYAYA VIGATA  
KARMA NIRJĀTA HŪM

**19\_ Ca Diếp Bà (Kà'syapa):**

Kà'syapa tức là Đại Ca Diếp (Mahà-kà'syapa). Lại xưng là Ma Ha Ca Diếp, Ca Nhiếp Ba. Dịch ý là **Ấm Quang** (nuốt ánh sáng), là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca. Do chuyên tu hạnh Đầu Đà nên được xưng là **Đầu Đà Đệ Nhất**.

Tôn này thuộc giòng tộc Bà La Môn ở ngoại ô của thành Vương Xá. Khi quy y Đức Phật xong thì tám ngày sau liền chứng nhập vào Cảnh Địa của A La Hán.

Sau khi Đức Phật vào Niết Bàn thời Đại Ca Diếp liền triệu tập Đồ Chúng kết tập Kinh Điển lần thứ nhất tại thành Vương Xá. Cuối đời Ngài đến núi **Kê Túc** nhập định, giữ gìn Y Bát của Đức Phật chờ đến lúc Đức **Phật Di Lạc** (Maitreya-buddha) ra đời thì mới vào Niết Bàn.

Tôn Hình: Hiện bày hình Tỳ Kheo, thân màu thít. Tay trái nắm góc áo cà sa đưa lên ngang ngực. Tay phải giương lòng bàn tay hướng ra ngoài, ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Ly Trần Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (ॠ)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tượng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं समन्त बुद्धानाम् हेतुप्रत्यया विगत कर्म निरजातं हुं

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJĀTA HŪM

## 20\_ Xá Lợi Phất ('Sàri-putra):

'Sàri-putra dịch âm là Xá Lợi Phất Đa, Xá Lợi Phất La, Xá Lợi Phất Đát La, Xá Lợi Phất Đa La, Sa Lợi Phú Đa La, Sa Lợi Phất Đát La, Xá Lợi Phất Đa La. Dịch ý là Thu Lộ Tử, Cù Dục Tử. Phạm Hán cùng dịch là Xá Lợi Tử, Xá Lê Tử. Ngài là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca, do Trí Tuệ vượt hẳn mọi người trong Chúng nên được tôn xưng là bậc **Trí Tuệ Đệ Nhất**.

Xưa dịch là **Thân Tử** tức đã sai lầm đem chữ 'Sàri (loài chim Xá Lợi) dùng thành chữ 'Sarira (thân thể)

Tiếng Phạm **Putra** dịch ý là đấng con (tử). Mẹ của Ngài là nữ luận sư Bà La Môn ở tại thành Vương Xá của nước Ma Già Đà, lúc sinh ra thời dùng con mắt của loài chim Xá Lợi, nên có tên gọi là Xá Lợi. Do đó tên gọi Xá Lợi Phất tức là đấng con của bà Xá Lợi. Tên gọi riêng của Ngài là Upatīṣya, dịch âm là Ưu Ba Để Sa, Ưu Ba Để Xả, Ưu Ba Để Tu... Dịch ý là Đại Quang (Ánh sáng to lớn) tức theo cha mà có tên gọi này.

Thuở ấu thơ, Xá Lợi Phất có hình mạo đoan nghiêm, tu tập các kỹ nghệ, thông hiểu bốn bộ Phệ Đà (Veda). Năm 16 tuổi đã có thể ngồi luận nghị khuất phục người khác khiến cho con em giòng Quý Tộc phải quy phục.

Từ nhỏ Xá Lợi Phất đã kết bạn với Mục Kiền Liên và cùng nhau theo vị Thầy Ngoại Đạo là Sanjaya-vairatti-putra để học Đạo, khoảng 7 ngày 7 đêm liền quán thông Giáo Chỉ của vị ấy và được 250 người trong chúng Hội tôn làm bậc Thượng Thủ. Nhưng Ngài vẫn cảm thấy mình chưa thực sự đạt được sự giải thoát rốt ráo.

Sau này Xá Lợi Phất được Tỳ Khưu **Mã Thắng** tuyên nói Pháp **Nhân Duyên** nên hiểu ngộ chút ít liền cùng với Mục Kiền Liên kéo theo Đồ Chúng quy y Đức Phật Đà.

Khi đắc quả A La Hán, Xá Lợi Phất thường phụ giúp Đức Phật giáo hóa chúng sinh và trọn đời nêu gương sáng cho Đồ Chúng noi theo.

Tôn Hình: Hiện bày hình Tỳ Kheo, thân màu thịt, chắp hai tay ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Bát Nhã Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tượng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्ता बुद्धानाम् हेतुप्रत्यया विगता

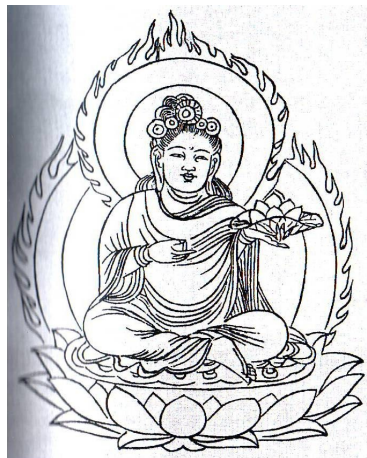
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ HETU-PRATYAYA VIGATA  
KARMA NIRJĀTA HŪM

### 21\_ Như Lai Hỷ (Tathàgata-mudità):

Tathàgata-mudità dịch âm là Đát Tha Nga Đa Mẩu Nĩ Đa.

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt của Tâm Hỷ Vô Lượng trong 4 Tâm Vô Lượng của Đức Phật.

Tôn Hình: Thân màu thịt, mặc áo cà sa che kín vai phải với ngực, ngửa lòng bàn tay phải để trước ngực, co ngón giữa ngón vô danh ngón út. Tay trái cầm lá sen chứa đầy hoa, ngồi trên hoa sen.



Mật Hiệu là: Xứng Pháp Kim Cương

Chữ chủng tử là: MA (𑖌) hay MU (𑖍)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa trên lá sen, hoặc hoa sen màu vàng.



Tượng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.





Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM 'SUDDHA-PRAMODA SPHARA

**22\_ Như Lai Xả** (Tathàgata-upekṣa):

Tathàgata-upekṣa dịch âm là Đát Tha Nga Đa Ô Bế Khất Tấy.

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt của Tâm **Xả Vô Lượng** trong 4 Tâm Vô Lượng của Đức Phật.

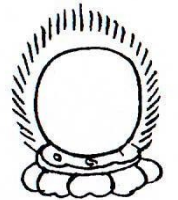
Tôn Hình: Thân màu thịt, lòng bàn tay phải đè trên đùi, hướng ngón cái vào bên trong, hướng 4 ngón còn lại ra ngoài. Tay trái cầm viên ngọc màu trắng, hơi nghiêng mặt về bên trái, giao chéo ống chân ngồi trên lá sen.



Mật Hiệu là: **Bình Đẳng Kim Cương.**

Chữ chủng tử là: Ò (ॐ) hay PE (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Viên ngọc màu trắng.



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

ॐ मन् उपेक्षु स्फुः

OM - MAHĀ-UPEKṢA SPHARA

### 23\_ Bạch Tán Cái Phật Đỉnh (Sitātapatra-Uṣṇiṣa, hay Sitātaptatroṣṇiṣa):

Sitātapatra dịch âm là Tất đất bát đất la, dịch ý là Bạch Tán Cái, Bạch Tán, Bạch Tán Cái. Đây là cái lọng màu trắng chủ về Tịnh Đức của Đức Phật Đà hay che chắn tất cả hữu Tình.

Sitātaptatroṣṇiṣa dịch âm là Tất đất bát đất la Ô Sất Nị Sa. Dịch ý là Bạch Tán Phật Đỉnh, Tán Cái Phật Đỉnh, Tán Phật Đỉnh, Bạch Tán Cái Phật Đỉnh. Là một trong 5 Phật Đỉnh, một trong 8 Phật Đỉnh.

Tôn này dùng cái lọng Từ Bi trắng sạch che giúp chúng sinh làm Bản Thệ.

Tôn này biểu thị cho mọi tướng của Như Lai.

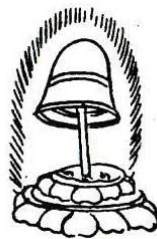
Tôn Hình: Thân màu vàng, tay trái cầm hoa sen, trên sen có cái lọng trắng. Co cánh tay phải lên trên kèm co 5 ngón, đem ngón cái vịn ngón trỏ. Ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Dị Tướng Kim Cương**

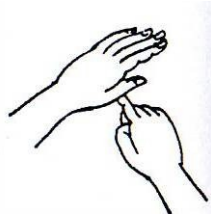
Chữ chủng tử là: LAM ( 𑖫 ) tượng trưng cho ý dùng ánh sáng Trí của **Vô Tướng chẳng thể đặc** che chắn chúng sinh trong Pháp Giới.

Tam Muội Gia Hình là: Cái lọng trắng trên hoa sen, hay là cái lọng.





Tướng Ấn là: **Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn**. Chưởng trái hơi mở các ngón tay rồi úp chưởng xuống. Tay phải nắm thành quyền, dựng đứng ngón trỏ chỉ vào tâm lòng bàn tay trái thành hình cái lọng



Chân Ngôn là:

ॐ मम समन्त बुद्धानाम् लाम् सितापत्रा उष्णिषा सह

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_LAM\_ SITĀTAPĀTRA UṢṆIṢA \_  
SVĀHĀ

#### 24\_ **Thắng Phật Đỉnh** (Jaya-Uṣṇiṣa hay Jayoṣṇiṣa)

Jayoṣṇiṣa dịch âm là Nhạ Dục Ổ Sắt Nê Sái. Lại xưng là Thắng Đỉnh Luân Vương, Thắng Phật Đỉnh Chuyển Luân. Là một trong năm Phật Đỉnh, một trong tám Phật Đỉnh.

Do Tôn này đã đoạn trừ gốc rễ của Vô Minh cho nên đã chứng ngộ Niết Bàn vắng lặng, là sự vắng lặng rộng lớn của Như Lai. Sự vắng lặng này không có gì ngang bằng, không gì có thể so sánh, là Đỉnh của Đại Tịch cho nên xưng là Thắng Phật Đỉnh.

Tôn này biểu thị cho Đại Tịch của Như Lai.

Tôn Hình: Thân màu vàng, hiện hình Bồ Tát. Tay phải cầm hoa sen chưa nở. Tay trái nắm quyền cầm hoa sen, trên sen có cây kiếm chung quanh rực lửa sáng. Ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



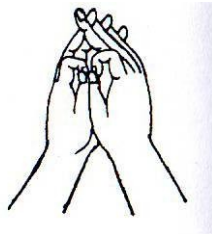
Mật Hiệu là: **Đại Tôn Kim Cương, Vô Tỷ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: 'SAM (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm báu trên hoa sen



Tướng Ấn là: **Đại Tuệ Dao Ấn**. Hai tay tác Kim Cương Hợp Chưởng, co hai ngón trỏ cùng hợp móng ngón, kèm dựng hai ngón cái đè bên cạnh móng hai ngón trỏ.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्ता बुद्धानाम् 'सम जया-उषनिषा 'स्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ 'SAM \_ JAYA-UṢNÌṢA \_ SVĀHĀ

### 25\_ TỐI THẮNG PHẬT ĐỈNH (Vijayoṣṇiṣa):

Tối Thắng Phật Đỉnh là một trong 5 Phật Đỉnh , một trong 8 Phật Đỉnh.... chủ yếu làm lộ rõ Đức đặc biệt chuyển bánh xe Pháp của Đức Phật.

Tôn này biểu thị cho Thần Thông thọ lượng bí mật của Như Lai.

Tôn Hình: Thân màu vàng, tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen có để bánh xe, ngồi trên hoa sen



Mật Hiệu là: **Tối Thắng Kim Cương** hoặc **Thượng Hạnh Kim Cương**

Chữ chủng tử là: 'SRĪ (ॐ) hay 'SĪ (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe Kim Cương trên hoa sen.



Tướng Ấn là: **Chuyển Pháp Luân Ấn**. Hai tay để ngược nhau, cùng cài chéo các ngón tay, hai ngón cái cùng hợp đầu ngón.



Chân Ngôn là:

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम् 'सि \_ सि\_ विजया-उष्णिषा \_  
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ 'SÌ \_ SÌ\_ VIJAYA-UṢṆIṢA \_  
SVĀHĀ

### 26\_ Quang Tụ Phật Đỉnh (Tejora'si-uṣṇiṣa):

Tejora'si-uṣṇiṣa dịch âm là Đế Nhu La Thi Ổ Sắt Nê Sái. Là một trong 5 Phật Đỉnh của Mật Giáo, một trong 8 Phật Đỉnh. Lại xưng là Hỏa Tụ Phật Đỉnh, Hỏa Quang Phật Đỉnh, Phóng Quang Phật Đỉnh, Quang Tụ Phật Đỉnh Luân Vương... Bản Tôn tượng trưng cho Đức đặc biệt của ánh sáng Như Lai chiếu phá hắc ám của chúng sinh cho nên có tên là Quang Tụ Phật Đỉnh

Thường niệm Thánh Hiệu của Quang Tụ Phật Đỉnh hay phá hoại tất cả chướng ngại, khu trừ Quỷ My khó điều phục, có thể thành tựu tất cả việc Phật rộng lớn.

Tôn này biểu thị cho ánh sáng Định Tuệ của Như Lai hay phá trừ sự ám chướng.

[Trong đồ hình lưu truyền bên trên thì vị trí của Tôn này được thay bằng **Cao Phật Đỉnh**]

Tôn Hình: Thân màu vàng ròng, ngồi ngay thẳng trên hoa sen đỏ. Tay phải dựng nghiêng co ngón vô danh ngón út. Tay trái để ở eo cầm hoa sen, trên sen có hình Phật Đỉnh



Trong tất cả Phật Đỉnh thì Tồi Toái Phật Đỉnh hay khử trừ tất cả phiền não nghiệp chướng, phá hoại tất cả sự đau khổ của nẻo uế ác... cho nên lại xưng là Tôn Thắng Phật Đỉnh, Trừ Chướng Phật Đỉnh. Là một trong 5 Phật Đỉnh, một trong 8 Phật Đỉnh

Tôn này biểu thị cho Lực Vô Sở Úy Thần Thông của Như Lai, có năng lực dứt sạch các ô nhiễm của Nghiệp khiến cho tất cả chúng sinh đều được an vui.

Tôn Hình: Thân màu vàng, tay trái cầm hoa sen , trên sen có để móc câu Độc Cổ. Tay phải co ngón vô danh, dựng đứng lòng bàn tay ngang ngực, ngồi trên hoa sen đỏ



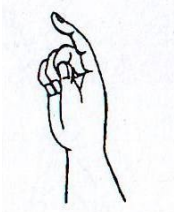
Mật Hiệu là: **Trừ Ma Kim Cương.**

Chữ chủng tử là: HRAḤ (ॐ) hay HRÙṀ (𑖕𑖄𑖆)

Tam Muội Gia Hình là: Móc câu để trên hoa sen.



Tượng Ấn là: **Trừ Nghiệp Phật Đỉnh Ấn.** Tay phải tác Liên Hoa Quyền, dựng đứng ngón trở co lỏng trên như hình móc câu.



Chân Ngôn là:

𑖔𑖄𑖆𑖄𑖆𑖄𑖆 𑖔𑖄𑖆𑖄𑖆𑖄𑖆 𑖔𑖄𑖆𑖄𑖆𑖄𑖆 𑖔𑖄𑖆𑖄𑖆𑖄𑖆 𑖔𑖄𑖆𑖄𑖆𑖄𑖆 𑖔𑖄𑖆𑖄𑖆𑖄𑖆 𑖔𑖄𑖆𑖄𑖆𑖄𑖆 𑖔𑖄𑖆𑖄𑖆𑖄𑖆  
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ HRÙṀ\_ VIKIRĀṆA PAMCA  
UṢṆĪṢA\_ SVĀHĀ



**28\_ Như Lai Thiệt Bồ Tát (Tathàgata-jihva):**

Tathàgata-jihva dịch âm là Đát Tha Nga Tha Nỉ Hà Phộc. Tôn này chủ yếu hiển bày tướng lưỡi nói Pháp của Đức Phật Đà, thường làm Đức của lời nói chân thật (chân thật ngữ).

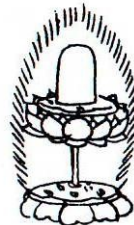
Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải duỗi giương ngửa lòng bàn tay lên trên để trước ngực. Tay trái cầm hoa sen nở rộ, trên sen để cái lưỡi, trên lưỡi có lửa rực sáng, ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Biệt Thuyết Kim Cương**

Chữ chủng tử là: JI (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Cái lưỡi trên hoa sen



二吐舌形 蓮上.

Tướng Ấn là: Như Lai Giáp Ấn



Chân Ngôn là:

𑖀𑖄𑖥 𑖀𑖄𑖥𑖥 𑖀𑖄𑖥𑖥𑖥 𑖀𑖄𑖥𑖥𑖥𑖥 𑖀𑖄𑖥𑖥𑖥𑖥𑖥 𑖀𑖄𑖥𑖥𑖥𑖥𑖥𑖥 𑖀𑖄𑖥𑖥𑖥𑖥𑖥𑖥𑖥 𑖀𑖄𑖥𑖥𑖥𑖥𑖥𑖥𑖥𑖥

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀM\_ TATHÀGATA JIHVA SATYA-DHARMA PRATIṢṬITA \_ SVÀHÀ



**29\_ Như Lai Ngũ Bồ Tát (Tathàgata-vaktra):**

Vaktra có ý chỉ vật khí của ngôn ngữ, cũng tức là miệng phát ra lời nói cho nên Tathàgata-vaktra được xưng là Như Lai Ngũ Môn Bồ Tát, Như Lai Khẩu Bồ Tát (hay Như Lai Thần)

Do Đức Như Lai dùng âm thanh vi diệu diễn nói Đại Pháp khiến các loài chúng sinh tùy nghe được hiểu mà Tôn này lại do Trí của Như Lai sinh ra cho nên chủ về Đức **phát ra lời diễn nói** của Đức Như Lai.

Tôn Hình: Thân màu thịt, ngửa lòng bàn tay phải để trước ngực. Dựng lòng bàn tay trái cầm hoa sen, trên sen có viên ngọc báu.



Mật Hiệu là: **Tính Không Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VA (ॠ)

Tam Muội Gia Hình là: Cái môi trên hoa sen, hay hình báu trên hoa sen.



Tượng Ấn là: Như Lai Ngũ Môn Ấn.



Chân Ngôn là:

ॠः समं वदन्तं गतं गतं मन्त्रं वदन्तं वदन्तं मन्त्रं वदन्तं मन्त्रं

ॠ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ TATHĀGATA MAHĀ VAKTRA VI'SVA-JÑĀNĀM MAHODAYA\_ SVĀHĀ

### 30\_ Như Lai Tiểu Bồ Tát (Tathàgata-hàsa):

Tathàgata-hàsa dịch âm là Đát Tha Nga Đa Ha Sa. Tôn này nguyên là tướng răng của Đức Như Lai biểu thị cho Đức chủ về sự vui vẻ của Như Lai.

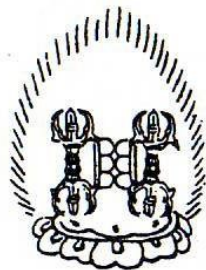
Tôn Hình: Thân màu thịt, há miệng lộ răng, nâng cánh tay phải, úp lòng bàn tay xuống dưới che, để bên cạnh miệng. Tay trái nắm quyền để cạnh eo, cầm hoa sen nở rộ, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



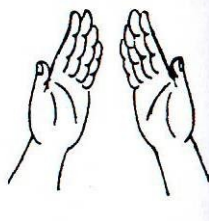
Mật HIệu là: **Hoan Hỷ Kim Cương, Phá Nhan Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HAḤ (𑖦) hay HÀ (𑖧)

Tam Muội Gia Hình là: Trong chày Tam Cổ có bộ răng.



Tướng Ấn là: Hai lòng bàn tay ngửa bên miệng, bung tán.



Chân Ngôn là:

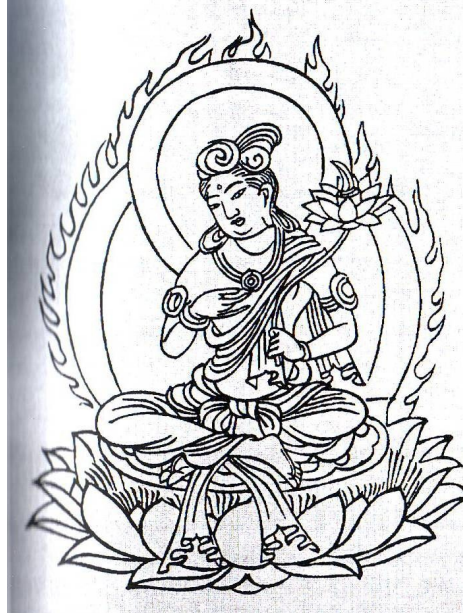
𑖦 𑖧 𑖦 𑖧

OM VAJRA-HÀSA

**31\_ Như Lai Nha Bồ Tát (Tathàgata-damṣṭra):**

Tôn này chủ về Phật Đức hay tội phá sự chấp trước sai biệt về chúng sinh và Phật Đà để đạt được Pháp Vị vô thượng

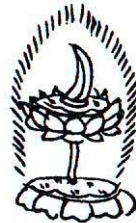
Tôn Hình: Thân màu thịt, để lòng bàn tay phải trước ngực phải, hơi co ngón giữa ngón vô danh. Tay trái nắm quyền cầm hoa sen, trên sen có răng nanh, ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Hộ Pháp Kim Cương, Điều Phục Kim Cương**

Chữ chủng tử là: DAM ( ॑ )

Tam Muội Gia Hình là: Răng nanh trên hoa sen.



Tượng Ấn là: Như Lai Nha Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं समन्त बुद्धानाम् तथगतं दंष्ट्रं [म [मयं संप्रपन्नं म  
व तथगतं (अथ संभवं सूक्तं

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ TATHĀGATA DAMṢṬRA\_ RASA  
RASA-AGRA SAMPRĀPAKA \_ SARVA-TATHĀGATA-VIṢAYA  
SAMBHAVA\_ SVĀHĀ

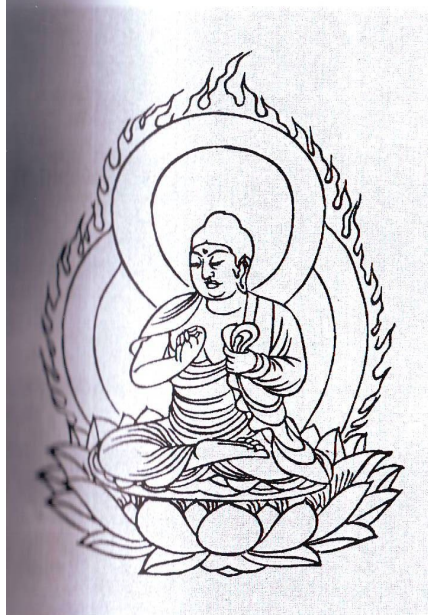
**32\_ Luân Bức Tích Chi Phật (Nemi-pratyeka-buddha):**

Nemi-pratyeka-buddha lại xưng là Luân Phức Tích Chi Phật, Luân Bức Giả, Luân Phức Giả. Là một trong 4 vị Duyên Giác thuộc Thích Ca Viện.

Tôn này do quán sự luân hồi của 12 Nhân Duyên mà có tên gọi.

Tôn này biểu thị cho Đức đặc biệt **tôi phá chúng sinh** của Đức Phật

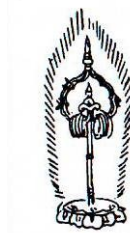
Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, tay trái cầm góc áo cà sa, tay phải nắm quyền để ngang ngực, ngồi ngay thẳng trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Tôi Chướng Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VAH (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Cây tích trượng.



Tượng Ấn là: Viên Mãn Tích Trượng Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ VAH

**33\_ Bảo Bức Tích Chi Phật (Ratna-nemi-pratyeka-buddha):**



Ratna-nemi dịch âm là La Đát Na nĩ nhĩ. Trong đó Ratna là báu, Nemi là cãm xe. Ratna-nemi có nghĩa là Luân Bảo Viên Mãn

Ratna-nemi-pratyeka-buddha là một trong 4 vị Duyên Giác thuộc Thích Ca Viện.

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, hiển hình Như Lai, tay phải hướng lòng bàn tay ra ngoài để ngang ngực. Tay trái cầm hai góc áo cà sa để dưới rốn, ngồi ngay thẳng trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Viên Tịch Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VAH (𑖦)

Tam Muội Gia Hình là: Cây tích trượng.



Tượng Ấn là: Viên Mãn Tích Trượng Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖦𑖦: 𑖦𑖦𑖦 𑖦𑖦𑖦𑖦

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ VAḤ

34\_ Câu Hy La (Kauṣṭhila):



Câu Hy La lại xưng là Ma Ha Câu Hy La (Mahà-kausthila), Ma Ha Câu Sát Chỉ La, Câu Sát Để La. Dịch ý là Đại Tất, Đại Đổ Trì, Đại Thắng. Là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca.

Sau khi theo Đức Phật Đà xuất gia thời Câu Hy La đắc quả A La Hán, chứng được lý **năm Uẩn đều trống rỗng** (Ngũ Uẩn giai Không) cho nên xưng là **Ngộ Không**.

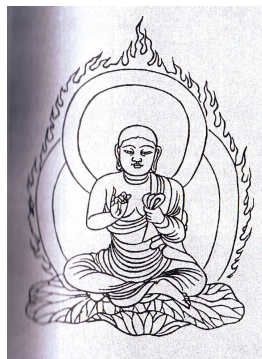
Kinh **Tạp A Hàm, quyển 12** ghi rằng:”Khi Câu Hy La ở tại núi Kỳ Xà Quật thời Xá Lợi Phất đi đến hỏi về nghĩa của 12 Nhân Duyên, Câu Hy La mỗi mỗi trả lời. Xá Lợi Phất khen ngợi Ngài đã đạt rõ Trí Tuệ, khéo điều thuận không có sợ hãi như viên ngọc vô giá trên đỉnh đầu”

Kinh **Tăng Nhất A Hàm, quyển 3 , phẩm Đệ Tử** ghi nhận Ma Ha Câu Hy La có đủ 4 Biện Tài.

Kinh **Tạp A Hàm**: quyển 9, quyển 10, quyển 14 cùng với các Kinh **Trung A Hàm**: quyển 7, Kinh **Câu Hy La**: quyển 58, Kinh **Đại Câu Hy La...** cũng ghi chép việc luận Pháp giữa Câu Hy La và Xá Lợi Phất. Có điều sự tích **về cuộc sống của Ngài thì chẳng rõ**.

Ngoài ra, ở Kinh **Soạn Tập Bách Duyên**, quyển 19; **Đại Trí Độ Luận** quyển 1; **Hữu Bộ Tỳ Nại Gia Xuất Gia SỰ**, quyển 1, quyển 2 đều nói Câu Hy La tức là Trương Trảo Phạm Chí, cậu của Xá Lợi Phất.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Tỳ Kheo, tay trái cầm góc áo cà sa, ngồi trên lá sen.



Mật Hiệu là: **Ngộ Tính Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (ॠ)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạm



Tượng Ấn là: Phạm Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

नमः समन्त बुद्धानाम् हेतुप्रत्यया विगत  
NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ HETU-PRATYAYA VIGATA  
KARMA NIRJĀTA HUM

**35\_ A Nan (Ānanda):**

A Nan xưng đầy đủ là A Nan Đa (Ānanda). Dịch ý là Hoan Hỷ, Khánh Hỷ, Vô Nhiễm. Là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca

A Nan là em họ của Đức Phật Thích Ca, sau khi xuất gia hơn 20 năm thì làm Thị Giả theo hầu Đức Phật, khéo ghi nhớ. Đối với các Pháp do Đức Phật tuyên nói thì Ngài thường nhớ tụng chẳng quên cho nên được xưng là **Đa Văn Đệ Nhất**

A Nan có dung mạo đoan chính, mặt như trăng đầy, mắt như hoa sen xanh, toàn thân sáng trong như gương sáng. Cho nên tuy đã xuất gia nhưng hay gặp phải phụ nữ dụ dỗ, tuy nhiên Ngài giữ vững ý chí, cuối cùng vẫn bảo toàn được Phạm Hạnh.

Khi Đức Phật còn tại Thế thì A Nan chưa thể khai ngộ. Lúc Đức Phật nhập diệt thời Ngài buồn thảm khóc rống lên. Sau khi được Ma Ha Ca Diếp răn dạy thì Ngài bực tức mới dụng công để khai ngộ. Trong hội Kết Tập Kinh Điển đầu tiên thời Ngài được tuyển chọn làm người đọc tụng Kinh Văn. Đối với việc truyền giữ Kinh Pháp thời Ngài có công rất lớn

Thời kỳ đầu, Di Mẫu của Đức Phật là Ma Ha Ba Xà Ba Đề muốn nhập vào Giáo Đoàn thì A Nan rất ủng hộ và tích cực cầu xin Đức Phật cho phép. Cuối cùng nương vào sự cho phép của Đức Phật mà Giáo Đoàn Tỳ Khưu Ni được thành lập, cho nên công của Ngài rất lớn

Sau khi Đức Phật nhập diệt khoảng từ 20 năm đến 25 năm thì A Nan thị tịch trên giong sông Hằng.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Tỳ Kheo, chắp tay ngồi trên lá sen.



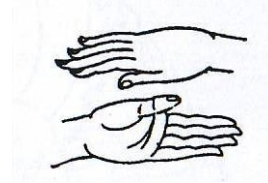
Mật Hiệu là: **Tập Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (ॠ)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tượng Ấn là: Phạm Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ नमो सामन्ता बुद्धानाम् हेतुप्रत्यया विगता

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ HETU-PRATYAYA VIGATA  
KARMA NIRJĀTA HŪM

### 36\_ Ca Chiên Diên (Kàtyàyana):

Kàtyàyana lại xưng là Ma Ha Ca Chiên Diên (Mahà-katyàyana), Ma Ha Ca Đa Diễn Na, Ma Ha Ca Đế Gia Dạ Na, Ma Ha Ca Chiên Diên. HOặc xưng là Đại Ca Chiên Diên, Ca Chiên Diên. Dịch ý là Đại Tiểu Dị Chứng Nam, là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca.

Ca Chiên Diên là người của nước A Bàn Đề (Avanti) thuộc Tây Ấn Độ. Giòng Tộc với nhân duyên xuất gia quy y Phật của Ngài thì có nhiều thuyết khác nhau.

Căn cứ vào Kinh **Phật Bản Hạnh Tập, quyển 31, phẩm Na La Đà xuất gia** thời **Ca Chiên Diên** là con thứ hai của vị Bà La Môn **Đại Ca Chiên Diên** ở tụ lạc **Tiểu Hầu Thực**, tên gọi của Ngài là **Na La Đà** (Nalaka). Thoạt tiên Ngài vào trong núi **Tần Đà** thuộc khu vực lân cận của thành **Ưu Thiên Gia Ni** theo ông ngoại là Tiên Nhân **A Tư Đà** học tập giáo nghĩa của Phệ Đà (Veda). Sau khi tiên **A Tư Đà** nhìn thấy tướng tốt trang nghiêm của Thái Tử **Tất Đạt Đa** lúc mới sinh ra và dự đoán ngày sau vị này sẽ thành Phật cho nên khi mệnh chung tiên A Tư Đà đã để lại lời nhắn khuyên Ca Chiên Diên nên lễ Đức Thích Tôn làm Thầy.

Sau khi Ngài xuất gia, quy y Phật xong thời tùy theo họ chính mà xưng là **Đại Ca Chiên Diên**. Ngài siêng năng tu hành chẳng biếng trễ nên chứng được quả A La Hán. Khi Đức Phật diệt độ, Ngài vẫn còn sống và thuận theo việc giáo hóa, luận chiến với nhóm Ngoại Đạo.

Ở trong chúng Đệ Tử của Đức Phật thời Ngài được tôn xưng là bậc **Luận Nghị Đệ Nhất**.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Tỳ Kheo, dựng lòng bàn tay phải, co ngón vô danh ngón út. Tay trái cầm góc áo cà sa để trước ngực, ngồi trên tòa lá sen.



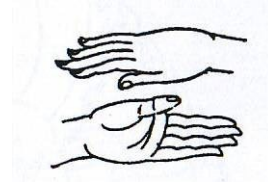
Mật Hiệu là: **Biện Tài Kim Cương** , hoặc **Dũng Tuyên Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (॥)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tượng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं समन्तबुद्धानाम् हेतुप्रत्यया विगता

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ HETU-PRATYAYA VIGATA  
KARMA NIRJĀTA HŪM

### 37\_ Ưu Bà Lợi (Upàli):

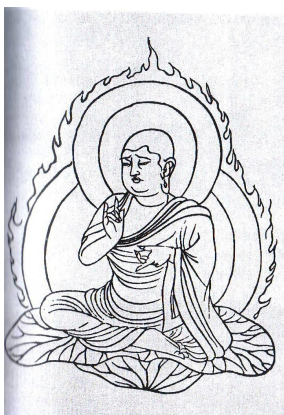
Upàli lại xưng là Ưu Bà Ly, Ổ Ba Ly, Ưu Ba Ly, Ưu Ba Lợi. Dịch là Cận Thủ, Cận Chấp. Là một trong 10 vị Đại Đệ Tử của Đức Phật Thích Ca.

Ưu Bà Lợi xuất thân từ giai cấp Thủ Đà La (Sudra), là thợ hớt tóc trong cung đình. Khi Đức Phật Đà thành Đạo 6 năm thời 7 người thuộc nhóm Vương Tử **bạt Đà, A Na Luật, A Nan** ... xuất gia. Lúc đó Ưu Bà Lợi cũng tùy xin xuất gia chung

Sau khi xuất gia, Ưu Bà Lợi tinh tiến giữ gìn Giới Luật, tu trì nghiêm mật nên được tôn xưng là bậc **Giới Luật Đệ Nhất**.

Trong Hội kết tập Kinh Điển lần thứ nhất thời Ngài được chọn làm vị tuyên đọc Giới Luật và **Luật Tạng** do Ngài kết tập đã được lưu truyền cho đến ngày nay.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Tỳ Kheo, ngồi trên lá sen.



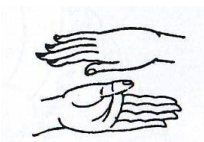
Mật Hiệu là: **Thi La Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HE (॥)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं समन्त बुद्धानाम् हेतुप्रत्यया विगत

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ HETU-PRATYAYA VIGATA  
KARMA NIRJĀTA HŪM

### 38\_ Trí Câu Hy La Bồ Tát (Jñāna-kausthila):

Tôn này chủ về Đức đặc biệt **Tinh Tiến** của Đức Phật. Tay cầm hoa sen chưa hé nở biểu thị cho sự Từ Hộ nuôi nấng hạt giống Tâm Bồ Đề của chúng sinh.

Tôn Hình: Thân màu thịt, chắp hai tay lại, trong lòng bàn tay cầm hoa sen chưa hé nở, ngồi ngay thẳng trên lá sen.



Mật Hiệu là: **Chính Viên Kim Cương**, hay **Túc Tuệ Kim Cương**

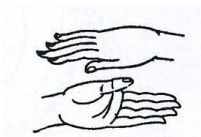


Chữ chủng tử là: HE (६)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen chứa hé nở, hoặc hứng hoa.



Tướng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ मः समन्त बुद्धानाम् हेतुप्रत्यया विगत

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ HETU-PRATYAYA VIGATA  
KARMA NIRJĀTA HUM

### 39\_ Cúng Dường Vân Hải (Pùja-megha-sàgarah):

Pùja-megha-sàgarah dịch âm là Bồ Nhạ Mê Già Sa Kiệt La.

Tôn này biểu thị cho việc cúng dường khắp tất cả, rộng làm Phật Sự.

Tôn Hình:Hiện hình Sứ Giả, hai tay cầm lá sen, trên lá để hoa sen, quỳ ngồi trên tòa lá sen. Hoặc cầm cái mâm vàng, trên mâm chứa đầy hoa.



Mật Hiệu là: **Phổ Phú Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KHAM (॥) hay PU (५)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa trên lá sen.



Tướng Ấn là: Liên Hoa Hợp Chưởng.



Chân Ngôn là:

ॐ नमोऽस्मै सर्वतथैगतेभ्यो विस्वामुखेभ्यः  
ॐ नमोऽस्मै सर्वतथैगतेभ्यो विस्वामुखेभ्यः  
ॐ नमोऽस्मै सर्वतथैगतेभ्यो विस्वामुखेभ्यः

NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYO VI'SVA-MUKHEBHYAḤ  
SARVATHĀ KHAṀ UDGATE SPHARA HĪMAṀ GAGANAKAṀ SVĀHĀ

Do Đại Nhật Như Lai (Mahà-vairocana) đã dùng 2 Đức Trí (Jñāna) Bi (Kāraṇa) hiện thân thành Thích Ca Mâu Ni Như Lai ('Sākya-muni) để hóa độ chúng sinh. Vì thế Đức Thích Ca Mâu Ni là thân biến hóa của Đức Đại Nhật , biểu thị cho Bản Địa Pháp Thân vô dị và là nghĩa của quả đức u huyền

Đức Phật Thích Ca nhập vào Tam Muội **Bảo Xứ** (Dựa vào Tam Muội này mà Như Lai xuất hiện ở đời để nuôi lớn mầm giống Phật) tuyên nói **Tự Tâm Chân Ngôn** cùng với **Tâm Chân Ngôn** của các hàng quyến thuộc, cho nên 39 Tôn trong viện Thích Ca thuộc Thai Tạng Giới Mạn Đà La (Garbhadhātu-maṇḍala ) biểu thị cho phương tiện Nhiếp Hóa , Thuyết Pháp Lợi Sinh của Đại Nhật Như Lai.

Viện này còn biểu thị cho **Hiện Tiền Địa** (Abhimukhī-bhūmi). Bồ Tát ở Địa này giữ mãi Tính **Bình Đẳng** đối với Tịnh và Bất Tịnh đồng thời tu tập viên mãn Tuệ Ba La Mật (Prajña-pāramitā).

30/06/2009